

Số: 01/2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Điều 21 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 549/TTr-STC ngày 26 tháng 12 năm 2024 về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2025.
2. Bãi bỏ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Điều 3 Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- UBMT tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Khoản 3 Điều 2 (Thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT (Huy. THVX).

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Tuấn

QUY ĐỊNH

Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

1. Quy định này quy định về phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo nhiệm vụ được quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn gồm: Tổ chức thực hiện bình ổn giá; định giá; kê khai giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường; xây dựng, nâng cấp, quản lý cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá của Nhà nước; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Những nội dung quản lý của Nhà nước về giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá năm 2023, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

1. Cơ quan nhà nước được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 3. Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Giá năm 2023, các văn bản hướng dẫn thi hành và các nhiệm vụ được phân công tại Quy định này.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là các cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ trong từng ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công theo Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quy định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ, phân đạm, phân DAP, phân NPK, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm, thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá năm 2023.

e) Sở Tài chính chủ trì trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành.

2. Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả về Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm b, điểm c, Khoản 1, Điều 20 Luật Giá năm 2023.

3. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số

85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính.

4. Đối với trường hợp thực hiện bình ổn giá **tại phạm vi địa phương** theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 20 Luật Giá năm 2023, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này gửi hồ sơ đến Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc bình ổn giá tại địa phương; thực hiện rà soát, đánh giá diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế, tổng hợp kết quả và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời trực tiếp gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện định giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, trong các trường hợp sau:

- a) Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá;
- b) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa;
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thực hiện thẩm định phương án giá, xin ý kiến tham gia của sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và trình văn bản định giá trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với:

a) Hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

b) Hàng hóa, dịch vụ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ tham mưu việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá.

4. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

5. Cơ quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm định phương án giá được quy định tại **Phụ lục I** ban hành kèm theo Quy định này.

6. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá **thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh** thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

7. Trường hợp **cần** đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực liên quan hàng hóa, dịch vụ của cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, theo quy định tại khoản 2, Điều 8, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương, **gồm:**
 - a) Dịch vụ lưu trú;
 - b) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;
 - c) Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn;
 - d) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;
 - đ) Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch;
 - e) Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước);
 - g) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
 - h) Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá;
 - i) Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng.

2. Trường hợp cần thiết phải đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm sở quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá

a) Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo Quy định này.

b) Cơ quan tiếp nhận kê khai giá thực hiện quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 18 nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

a) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công tiếp nhận kê khai giá tại Quy định này, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

c) Cơ quan có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương được quy định tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo Quy định này.

5. Đối tượng thực hiện kê khai giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể, thống kê và lựa chọn các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách kê khai giá của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 01 hàng năm để Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu ban hành danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và đăng tải Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá năm 2023. Sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại các Điều 4, 5 và 6 Quy định này.

Mục 3

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 8. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường:
 - a) Sở Tài chính;
 - b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 9, Điều 10 Quy định này.
 - c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo nhiệm vụ được phân công.
3. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Giá năm 2023; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại **Phụ lục II** và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 9. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.
2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ:
 - a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc, Gạo, thực phẩm, lợn hơi, thịt lợn, thức ăn chăn nuôi, đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.
 - b) Sở Công Thương:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng: Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Sở Y tế:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Sở Giao thông Vận tải:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục.

e) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp các loại phí, giá dịch vụ sau:

Tổng hợp, phân tích, dự báo và báo cáo học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (theo quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền ban hành của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật).

g) Cục Thống kê tỉnh:

Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; phân tích diễn biến chỉ số CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

h) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

i) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện quản lý đối với nhóm hàng hóa thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Báo cáo tháng: Gửi chậm nhất vào ngày 26 của tháng báo cáo;
- Báo cáo quý; 6 tháng; 9 tháng và cả năm: Thực hiện báo cáo tương ứng báo cáo Quý II và báo cáo 6 tháng; báo cáo Quý III và 9 tháng; báo cáo Quý IV và cả năm; thời gian gửi các báo cáo chậm nhất vào ngày 26 của tháng cuối cùng kết thúc quý tương ứng.

Trường hợp ngày quy định cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó.

Điều 10. Báo cáo giá cả thị trường đột xuất

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất của địa phương gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15; khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất trên địa bàn gửi Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời để tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Mục 4

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 11. Xây dựng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 12. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 13. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

e) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương, gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan tiếp nhận kê khai giá;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương, gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ trì tham mưu;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Mục 5

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 14. Thẩm định giá của Nhà nước

1. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp thẩm quyền quyết định, phê duyệt giá của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá của Nhà nước.

2. Các nội dung về Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định tại các Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 65 Luật Giá năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hồ sơ thẩm định giá của Nhà nước quy định tại Điều 66 Luật Giá năm 2023.

Mục 6

KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 15. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, lĩnh vực theo phân công tại các Điều 4, 5 và 6 quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 4, 5 và 6 của quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Xây dựng, phê duyệt và ban hành Kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 quy định này:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân cấp cho Sở Tài chính ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm khoản 2, khoản 3 Điều 15 quy định này:

Phân cấp cho Sở, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra và ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

3. Việc xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; quyết định kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 28/2014/TT-BTC; điều chỉnh kế hoạch kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2024/TT-BTC.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

Các sở, ngành, cơ quan thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.